

Bản án số: 1131/2026/DS-PT

Ngày: 03/6/2026

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 5 và 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 719/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2026/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2606/2026/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 6836/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ C, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979 và ông Lê Thanh D, sinh năm 1995; cùng địa chỉ liên hệ: số A – 1054, tờ bản đồ 47, tổ A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 08/5/2025); ông H có mặt, ông D vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Thanh L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quang T; địa chỉ: số F V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Quang T và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Chu Thị Thu H1, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Trương Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, phía nguyên đơn trình bày:

Năm 2021, ông Đ có vay của ông L số tiền 1.850.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; ông L giao tiền cho ông Đ vào các ngày 22/11/2021, 20/01/2022, 24/01/2022, 14/02/2022. Khi giao tiền, ông L yêu cầu ông Đ viết “Giấy vay tiền”, nội dung người cho vay là ông Hoàng Quốc H2, nhưng thực tế, ông Đ nhận tiền vay và trả lãi cho ông L. Đến ngày 22/06/2022, ông Đ nhờ bà Chu Thị Thu H1 chuyển khoản số tiền 2.700.000.000 đồng vào số tài khoản 050041453882 của ông L tại Ngân hàng TMCP S để thanh toán tiền vay và lãi cho ông L, cụ thể: Bà H1 chuyển 06 lần, từ tài khoản của bà H1 số 0281000515296 (Ngân hàng TMCP N) đến tài khoản của ông L số 050041453882 (Ngân hàng S); Lần 1: 490.000.000 đồng; Lần 2: 490.000.000 đồng; Lần 3: 490.000.000 đồng; Lần 4: 490.000.000 đồng; Lần 5: 490.000.000 đồng; Lần 6: 250.000.000 đồng. Sau khi thanh toán đủ số tiền 2.700.000.000 đồng gốc vay và lãi cho ông L thì ông L cho rằng ông Đ còn nợ tiền lãi 800.000.000 đồng nên ông L không trả lại các giấy vay tiền mà trước đó ông Đ đã viết.

Ngày 28/07/2023, ông Hoàng Quốc H2 đã sử dụng các giấy vay tiền nêu trên để khởi kiện ông Đ ra Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) yêu cầu trả nợ gốc là 1.850.000.000 đồng và tiền lãi 136.659.500 đồng, tổng cộng là 1.986.659.500 đồng. Theo Bản án sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 29/07/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên và Bản án phúc thẩm số 92/2025/DS-PT ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Tòa án đã buộc ông Dương Văn Đ phải thanh toán cho ông Hoàng Quốc H2 nợ gốc là 1.850.000.000 đồng và lãi 136.659.500 đồng, tổng cộng là 1.986.659.500 đồng. Ngoài ra, 02 bản án còn nhận định trong trường hợp ông Dương Văn Đ và ông Trương Thanh L có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Ông Đ cho rằng số tiền 2.700.000.000 đồng nhờ bà H1 chuyển khoản cho ông L hiện ông L đang chiếm giữ là của ông Đ. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh L phải trả lại số tiền này.

Bị đơn ông Trương Thanh L trình bày:

Cuối năm 2021, ông có cho ông Đ vay số tiền 2.700.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, ông Đ có viết giấy mượn tiền. Tháng 6 năm 2022, ông Đ đã trả nợ thông qua bà Chu Thị Thu H1 chuyển khoản. Sau khi nhận đủ tiền, ông L đã trả lại giấy mượn tiền cho ông Đ và hai bên chấm dứt mọi quan hệ vay mượn. Tại các phiên tòa trước đó, ông L đã khai nhận sự việc. Hiện nay, ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị Thu H1 trình bày:

Bà là người nhận chuyển nhượng đất của ông Đ. Theo yêu cầu của ông Đ, bà đã chuyển khoản số tiền 2.700.000.000 đồng vào tài khoản của ông Trương Thanh L như nguyên đơn trình bày. Bà đã cung cấp đầy đủ sao kê chuyển khoản và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2026/DS-ST ngày 12/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17– Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn Đ với bị đơn ông Trương Thanh L về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Buộc ông Trương Thanh L phải trả lại cho ông Dương Văn Đ số tiền 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/3/2026, bị đơn ông Trương Thanh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trương Thanh L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông H2 vào tham gia tố tụng trong khi dữ liệu khởi kiện liên quan đến 04 giấy vay tiền của ông H2 cho ông Đồng M; ông L nhận tiền từ bà H1 là có, tuy nhiên trong trường hợp này người phải chứng minh là ông Đ mà không phải là ông L; ông Đ cho rằng lãi suất vay là 6% thì đến ngày 22/6/2022 số tiền không thể là 2.700.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị Thu H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 theo quy định tại Điều 296 của Bộ

luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Dương Văn Đồng khởi K yêu cầu bị đơn ông Trương Thanh L, trả lại số tiền 2.700.000.000 đồng. Ông Đ cho rằng số tiền 2.700.000.000 đồng nhờ bà H1 chuyển khoản cho ông L hiện ông L đang chiếm giữ bất hợp pháp, vì ông Đ đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ông H2 (theo bản án khác) nhưng khoản tiền chuyển cho ông L lại không được đối trừ, và Tòa án đã giành quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo Bản án phúc thẩm số 92/2025/DS-PT ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[3] Xét, bà H1 xác định số tiền 2.700.000.000 đồng là do bà chuyển thay ông Đ vào tài khoản của ông L; ông L cũng thừa nhận đã nhận từ bà H1 số tiền 2.700.000.000 đồng và thừa nhận số tiền này do bà H1 chuyển thay ông Đ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tuy nhiên, ông L cho rằng số tiền trên là số tiền ông L cho ông Đ vay. Xét, tại cấp sơ thẩm, ông L cho rằng đây là tiền ông Đồng thanh T1 tiền vay cho ông L vào năm 2021. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông L trình bày ông L cho ông Đ vay từ năm 2019, năm 2020, lãi suất 01 đến 2%. Như vậy, lời trình bày của ông L mâu thuẫn về thời gian, lãi suất. Ngoài ra, số tiền ông L trình bày ông L cho ông Đ vay 2.700.000.000 đồng là số tiền lớn, giữa ông Đ và ông L chỉ có mối quan hệ làm ăn nhưng ông Đ vay ông L từ tháng 11/2021 đến tháng 6/2022 mà không thỏa thuận tiền lãi là không phù hợp với thực tế. Đồng thời, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 92/2025/DS-PT ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giữa nguyên đơn Hoàng Quốc H2c Hòa và bị đơn ông Dương Văn Đ, có thể hiện ông L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông L đã trình bày: *“Trước đây, ông Đ nhiều lần cùng với ông L mua bán đất đai, những lúc chưa xoay sở đủ tiền thì ông Đ có hỏi mượn ông L và sau đó đã trả tiền mặt hoặc chuyển khoản trả lại cho ông L... về vấn đề vay tiền giữa ông H2 và ông Đ thì ông L chỉ biết ông Đ vay tiền của ông H2, chứ việc trả tiền cho ông H2 hay chưa thì không rõ. Việc ông H2 và ông Đ tranh chấp, ông không liên quan”*.

[5] Như vậy, lời khai của ông L trong vụ án ông H2 khởi kiện ông Đ thì ông L thừa nhận ông Đ có nhiều lần vay tiền ông L và ông Đ đã trả bằng tiền mặt hoặc cá nhân ông Đ chuyển khoản cho ông L, còn tranh chấp giữa ông H2 và ông Đ thì ông L không liên quan.

[6] Trong vụ án này, ông L cho rằng ông Đ vay tiền của ông L và nhờ bà H1 chuyển khoản. Như vậy, lời khai của ông L là mâu thuẫn với lời khai tại vụ án ông H2 khởi kiện ông Đ vì ông L trình bày quá trình vay ông Đ đã trả nợ bằng tiền mặt hoặc ông Đ chuyển khoản cho ông L, không đề cập đến số tiền bà H1 chuyển khoản giùm cho ông Đ sang tài khoản ông L. Như vậy, có căn cứ xác định ông L đang chiếm giữ của ông Đ số tiền 2.700.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Thanh L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2026/DS-ST ngày 12/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Trương Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014582 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP (15), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết